

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 42

S11
ÔNG
NHẬP
T &
T
P.T

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST theo Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ dịch vụ quảng cáo;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch
Ông Lars Kjaer	Thành viên
Ông Kim Hongjin	Thành viên
Ông Lê Đức Long	Thành viên độc lập
Ông Đặng Huy Khôi	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Bằng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 

Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11872026/68425807

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2023-004-1

Lê Hồng Vân
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4432-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		230.400.796.510	221.033.285.342
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	36.492.610.492	33.323.759.442
111	1. Tiền		26.487.597.715	33.318.099.373
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.005.012.777	5.660.069
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		144.250.000.000	148.800.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	144.250.000.000	148.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		39.725.635.844	27.426.169.287
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	17.974.458.546	14.228.811.567
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		518.709.007	1.585.085.480
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	25	-	2.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	21.232.468.291	9.612.272.240
140	IV. Hàng tồn kho	8	6.388.161.525	8.889.541.505
141	1. Hàng tồn kho		6.388.161.525	8.889.541.505
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.544.388.649	2.593.815.108
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.291.693.031	1.341.119.490
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	13	1.252.482.618	1.252.482.618
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	213.000	213.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		438.512.286.644	401.695.564.595
220	I. Tài sản cố định		28.831.750.898	21.384.841.048
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	28.831.750.898	21.384.841.048
222	Nguyên giá		88.344.238.126	83.892.872.850
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(59.512.487.228)	(62.508.031.802)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		492.742.000	492.742.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(492.742.000)	(492.742.000)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	11	405.063.717.356	379.228.129.356
251	1. Đầu tư vào công ty con		293.359.997.356	267.359.997.356
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		106.406.000.000	106.406.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.405.140.700	6.405.140.700
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.107.420.700)	(943.008.700)
260	III. Tài sản dài hạn khác		4.616.818.390	1.082.594.191
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	4.616.818.390	1.082.594.191
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		668.913.083.154	622.728.849.937

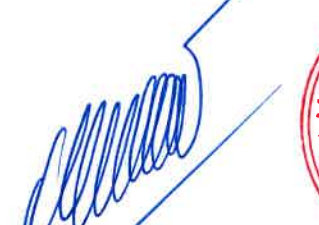


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		54.541.518.838	41.093.024.564
310	I. Nợ ngắn hạn		53.985.768.838	38.893.024.564
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	21.617.982.623	14.574.774.055
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		600.000	5.118.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.608.514.748	2.523.362.303
314	4. Phải trả người lao động		16.414.852.500	12.673.791.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.811.460.601	2.312.663.617
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.453.881.454	1.274.324.619
320	7. Vay ngắn hạn	16	3.682.000.000	1.800.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	5.396.476.912	3.728.990.970
330	II. Nợ dài hạn		555.750.000	2.200.000.000
338	1. Vay dài hạn	16	555.750.000	2.200.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		614.371.564.316	581.635.825.373
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	614.371.564.316	581.635.825.373
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		164.371.564.316	131.635.825.373
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		77.660.825.373	68.030.556.762
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		86.710.738.943	63.605.268.611
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		668.913.083.154	622.728.849.937


Trần Văn Hưng
Người lập


Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng


Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	281.454.898.805	281.011.920.999
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	281.454.898.805	281.011.920.999
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(115.800.241.014)	(120.794.244.888)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		165.654.657.791	160.217.676.111
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	139.336.340.993	40.177.363.776
22	7. Chi phí tài chính		(923.287.739)	(1.346.203.494)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(567.796.065)	(227.504.490)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(92.510.243.899)	(82.467.315.733)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(45.803.010.936)	(40.230.626.504)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		165.754.456.210	76.350.894.156
31	11. Thu nhập khác	22	1.797.565.456	221.535.513
32	12. Chi phí khác	22	(2.109.817.911)	(428.509.084)
40	13. Lỗ khác		(312.252.455)	(206.973.571)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		165.442.203.755	76.143.920.585
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(7.064.099.690)	(8.958.726.393)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		158.378.104.065	67.185.194.192

Trần Văn Hưng
Người lập

Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng

Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		165.442.203.755	76.143.920.585
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình		6.895.737.915	10.577.920.468
03	và hao mòn tài sản cố định vô hình		164.412.000	943.008.700
04	Các khoản dự phòng			
	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái			
	do đánh giá lại các khoản mục tiền			
	tệ có gốc ngoại tệ		(9.160.486)	41.988.938
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(141.011.186.165)	(40.204.962.978)
06	Chi phí lãi vay		567.796.065	227.504.490
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		32.049.803.084	47.729.380.203
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(1.801.684.273)	10.712.675.404
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		2.501.379.980	(1.954.126.133)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		11.990.728.912	(1.018.444.277)
12	Tăng chi phí trả trước		(4.484.797.740)	(696.787.807)
14	Tiền lãi vay đã trả		(564.102.935)	(334.406.756)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(7.521.834.067)	(8.121.528.271)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.740.879.180)	(1.146.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		29.428.613.781	45.170.762.363
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(14.559.183.774)	(7.844.981.115)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3.263.636.364	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(49.450.000.000)	(125.260.341.096)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		56.000.000.000	101.538.189.596
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(26.000.000.000)	(40.376.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia		125.728.430.938	41.862.196.623
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		94.982.883.528	(30.080.935.992)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	16	9.348.849.508	4.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	16	(9.111.099.508)	(5.882.456.175)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(121.489.556.745)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(121.251.806.745)	(1.882.456.175)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		3.159.690.564	13.207.370.196
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		33.323.759.442	20.158.378.184
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.160.486	(41.988.938)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	36.492.610.492	33.323.759.442

Trần Văn Hưng
Người lập

Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0107007230
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
TASECO
BẮC TUYÊN

Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST theo Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ dịch vụ quảng cáo;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 387 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 376 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 7 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng (“Công ty Taseco Đà Nẵng”)	99,9%	99,9%	Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách, thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ phụ trợ khác.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn (“Công ty Taseco Sài Gòn”)	65%	65%	Số 57 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ quảng cáo, thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ phụ trợ khác.
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng (“Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng”)	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 7 công ty con, bao gồm (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ("Công ty Taseco Media")	99,9%	99,9%	Tầng 1 tòa N02-T1, Khu Đoàn Ngoại Giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo, bán lẻ các mặt hàng thiết bị viễn thông: sim, thẻ cào điện thoại, dịch vụ đón tiễn, lưu trú ngắn ngày, thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ phụ trợ khác.
5	Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco ("Công ty Jalux Taseco")	51%	51%	Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	Kinh doanh bán hàng miễn thuế và các dịch vụ phụ trợ khác.
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Phú Quốc ("Công ty Taseco Phú Quốc")	65%	65%	SS26-S06 Khu du lịch Sonasea villas & Resort, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng và các dịch vụ phụ trợ khác.
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh ("Công ty Hà Linh")	51%	51%	Tầng 3, Nhà ga T1, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng và các dịch vụ phụ trợ khác.

Ngoài ra, Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 11.2.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Đối với hàng tồn kho tại các nhà hàng, Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ dụng cụ với giá trị được xác định bằng chi phí mua dựa trên phương pháp nhập trước, xuất trước.

Đối với hàng tồn kho tại địa điểm kinh doanh khác, Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định bằng chi phí mua dựa trên phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 10 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	4 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng về thuế. Các chi phí này, được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm, dịch vụ mà Công ty sản xuất, cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.035.994.331	1.621.997.956
Tiền gửi ngân hàng	24.451.603.384	31.696.101.417
Các khoản tương đương tiền	10.005.012.777	5.660.069
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	10.000.000.000	-
- Khoản tương đương tiền khác (**)	5.012.777	5.660.069
TỔNG CỘNG	36.492.610.492	33.323.759.442

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại, có kỳ hạn 3 tháng và hưởng lãi suất 4,4%/năm.

(**) Khoản tương đương tiền khác là khoản tiền gửi không kỳ hạn tại một công ty chứng khoán.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	144.250.000.000	148.800.000.000
TỔNG CỘNG	144.250.000.000	148.800.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc từ trên 6 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,9%/năm (31 tháng 12 năm 2023: có kỳ hạn gốc từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,9%/năm đến 6,2%/năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty sử dụng một số khoản tiền gửi ngân hàng với tổng giá trị là 30,3 tỷ VND để bảo lãnh thực hiện hợp đồng và làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 16.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	9.191.978.375	6.105.616.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	2.089.091.665	3.229.925.000
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	1.694.461.680	1.639.940.731
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.794.958.400	1.397.559.801
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	3.203.968.426	1.855.770.035
TỔNG CỘNG	17.974.458.546	14.228.811.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị Dự phòng		Giá trị Dự phòng	
Đơn vị tính: VND				
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	14.985.000.000	-	-	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	3.225.603.811	-	4.642.205.618	-
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ hoạt động kinh doanh	2.340.514.052	-	3.808.383.644	-
Phải thu ngắn hạn khác	681.350.428	-	1.161.682.978	-
TỔNG CỘNG	21.232.468.291	-	9.612.272.240	-
Trong đó:				
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	15.145.883.561	-	122.651.545	-
Phải thu khác	6.086.584.730	-	9.489.620.695	-

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc Dự phòng		Giá gốc Dự phòng	
Đơn vị tính: VND				
Hàng hóa, nguyên vật liệu	6.284.495.755	-	8.726.175.977	-
Công cụ, dụng cụ	103.665.770	-	163.365.528	-
TỔNG CỘNG	6.388.161.525	-	8.889.541.505	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Đơn vị tính: VND				
Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ	809.922.000		183.139.294	
Chi phí sửa chữa	21.190.128		172.776.422	
Chi phí bảo hiểm tài sản	137.161.921		115.071.328	
Chi phí đồng phục nhân viên	672.565.669		604.893.309	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	650.853.313		265.239.137	
TỔNG CỘNG	2.291.693.031		1.341.119.490	
Dài hạn				
Công cụ, dụng cụ	1.454.292.543		298.648.281	
Chi phí sửa chữa	1.026.533.792		206.287.735	
Phí phát hành bảo lãnh	318.787.581		305.910.283	
Chi phí đào tạo nghiệp vụ bắt buộc	264.166.731		164.186.101	
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.553.037.743		107.561.791	
TOTAL	4.616.818.390		1.082.594.191	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

					Đơn vị tính: VND	
					Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm					1.705.711.637	83.892.872.850
- Mua trong năm	48.736.082.494	4.529.165.267	28.921.913.452		265.741.790	11.476.905.333
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.996.775.463	6.214.388.080		-	4.505.930.853
- Thanh lý	4.505.930.853	-	-		-	(11.531.470.910)
Số cuối năm	53.242.013.347	9.525.940.730	23.604.830.622		1.971.453.427	88.344.238.126
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	35.500.008.688	4.259.445.267	397.490.909		1.206.176.182	41.363.121.046
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	42.360.372.902	4.244.456.927	14.645.325.070		1.257.876.903	62.508.031.802
- Khấu hao trong năm	3.668.281.950	125.199.733	2.948.326.327		153.929.905	6.895.737.915
- Thanh lý	-	-	(9.891.282.489)		-	(9.891.282.489)
Số cuối năm	46.028.654.852	4.369.656.660	7.702.368.908		1.411.806.808	59.512.487.228
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	6.375.709.592	284.708.340	14.276.588.382		447.834.734	21.384.841.048
Số cuối năm	7.213.358.495	5.156.284.070	15.902.461.714		559.646.619	28.831.750.898

Một số phương tiện vận tải của Công ty với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là khoảng 5,136 tỷ VND, được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 16.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con	293.359.997.356	-	267.359.997.356	-	
Đầu tư vào công ty liên kết	106.406.000.000	-	106.406.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.405.140.700	(1.107.420.700)	6.405.140.700	(943.008.700)	
TỔNG CỘNG	406.171.138.056	(1.107.420.700)	380.171.138.056	(943.008.700)	

11.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ vốn nắm giữ/Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc Dự phòng	Tỷ lệ vốn nắm giữ/Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc Dự phòng	
Công ty Taseco Đà Nẵng (***)	99,9%	49.950.000.000	-	49.950.000.000	- (*)
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng (***)	100,0%	105.000.000.000	-	105.000.000.000	- (*)
Công ty Taseco Sài Gòn (**)	65,0%	32.500.000.000	-	6.500.000.000	- (*)
Công ty Taseco Media	99,9%	444.427.614	-	444.427.614	- (*)
Công ty Jalux Taseco	51,0%	73.975.569.742	-	73.975.569.742	- (*)
Công ty Taseco Phú Quốc	65,0%	6.500.000.000	-	6.500.000.000	- (*)
Công ty Hà Linh	51,0%	24.990.000.000	-	24.990.000.000	- (*)
TỔNG CỘNG		293.359.997.356		267.359.997.356	-

(*) Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(**) Theo Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án và hoàn thành việc mua thêm 2,6 triệu cổ phần được phân bổ từ đợt phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ tại Công ty Taseco Sài Gòn với số tiền là 26 tỷ VND. Việc mua thêm cổ phần này không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong công ty con này.



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(***) Theo Nghị Quyết số 13/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng Quản trị Công ty, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc sáp nhập Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng và Công ty Taseco Đà Nẵng. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục liên quan đến việc sáp nhập vẫn đang được Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng và Công ty Taseco Đà Nẵng thực hiện và chưa hoàn thành.

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết, tỷ lệ lợi ích và và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong công ty liên kết như sau:

		Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND		
Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Giá gốc (VND)	Dự phòng	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị hợp lý	Giá gốc (VND)	Dự phòng	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam (“Công ty VinaCS”)	Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn phục vụ hành khách hàng không, dịch vụ ăn uống cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không, và các dịch vụ phụ trợ khác.	106.406.000.000	-	29,29%	(*)	106.406.000.000	-	29,29%	(*)
			106.406.000.000	-			106.406.000.000	-		
TỔNG CỘNG			106.406.000.000	-			106.406.000.000	-		

(*) Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	6.405.140.700	(1.107.420.700)	5.297.720.000	6.405.140.700	5.462.132.000
TỔNG CỘNG	6.405.140.700	(1.107.420.700)	5.297.720.000	6.405.140.700	5.462.132.000

(*) Đây là khoản đầu tư góp vốn vào một công ty hoạt động kinh doanh các dịch vụ liên quan trong cùng hàng không. Công ty này có cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán và giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi tiết khoản dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	943.008.700	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	164.412.000	943.008.700
Số cuối năm	1.107.420.700	943.008.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phúc Linh	5.835.585.564	5.835.585.564	3.315.848.656	3.315.848.656
Phải trả đối tượng khác	4.733.392.800	4.733.392.800	203.026.352	203.026.352
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	7.065.958.951	7.065.958.951	7.463.116.220	7.463.116.220
	3.983.045.308	3.983.045.308	3.592.782.827	3.592.782.827
TỔNG CỘNG	21.617.982.623	21.617.982.623	14.574.774.055	14.574.774.055

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.259.669.173	7.064.099.690	(7.521.834.067)	1.801.934.796
Thuế thu nhập cá nhân	58.086.000	1.738.482.944	(1.677.543.278)	119.025.666
Thuế giá trị gia tăng	205.607.130	8.919.525.193	(7.437.578.037)	1.687.554.286
Các loại thuế khác	-	158.889.781	(158.889.781)	-
TỔNG CỘNG	2.523.362.303	17.880.997.608	(16.795.845.163)	3.608.514.748
	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã cân trừ trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	1.252.482.618	-	-	1.252.482.618
Thuế thu nhập cá nhân	213.000	-	-	213.000
TỔNG CỘNG	1.252.695.618	-	-	1.252.695.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả hàng mua chưa xuất hóa đơn	1.266.475.812	2.081.387.277
Chi phí phải trả khác	544.984.789	231.276.340
TỔNG CỘNG	1.811.460.601	2.312.663.617

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	217.000.000	210.000.000
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	57.330.664	119.690.664
Các khoản phải trả khác	743.900.790	570.633.955
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	435.650.000	374.000.000
TOTAL	1.453.881.454	1.274.324.619

38
ÔI
NH
3T
Ê
P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn Vay ngắn hạn Vay ngắn hạn dài hạn đến hạn trả	-	-	6.384.849.508	(6.384.849.508)	-	-	-
	1.800.000.000	1.800.000.000	4.608.250.000	(2.726.250.000)	3.682.000.000	3.682.000.000	3.682.000.000
	1.800.000.000	1.800.000.000	10.993.099.508	(9.111.099.508)	3.682.000.000	3.682.000.000	3.682.000.000
Dài hạn Vay ngắn hạn	2.200.000.000	2.200.000.000	2.964.000.000	(4.608.250.000)	555.750.000	555.750.000	555.750.000
	2.200.000.000	2.200.000.000	2.964.000.000	(4.608.250.000)	555.750.000	555.750.000	555.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.1 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.200.000.000	Kỳ hạn trả gốc vay là 3 tháng một lần, với khoản cuối cùng đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Lãi vay trả hàng tháng.	8,0%	Một số phương tiện vận tải của Công ty.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	2.037.750.000	Kỳ hạn trả gốc vay là 3 tháng một lần, với khoản cuối cùng đáo hạn vào ngày 4 tháng 3 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	6,8% - 7,3%	Một số khoản tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty.

TỔNG CỘNG

4.237.750.000

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả
Vay dài hạn

3.682.000.000
555.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.728.990.970	1.669.065.389
Trích lập quỹ	3.830.365.122	3.267.925.581
Sử dụng quỹ	(2.162.879.180)	(1.208.000.000)
Số cuối năm	5.396.476.912	3.728.990.970

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND		
	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	450.000.000.000	68.030.556.762	518.030.556.762
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	67.185.194.192	67.185.194.192
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.267.925.581)	(3.267.925.581)
- Thù lao Hội đồng Quản trị	-	(312.000.000)	(312.000.000)
Số cuối năm	450.000.000.000	131.635.825.373	581.635.825.373
Năm nay			
Số đầu năm	450.000.000.000	131.635.825.373	581.635.825.373
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	158.378.104.065	158.378.104.065
- Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	(121.500.000.000)	(121.500.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(3.830.365.122)	(3.830.365.122)
- Thù lao Hội đồng Quản trị	-	(312.000.000)	(312.000.000)
Số cuối năm	450.000.000.000	164.371.564.316	614.371.564.316

(*) Công ty chia cổ tức năm 2023, tạm ứng cổ tức năm 2024 (thuyết minh số 18.5), trả thù lao Hội đồng Quản trị và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-Tas.Airs-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco	229.500.000.000	229.500.000.000	-	229.500.000.000	229.500.000.000	-
Cổ đông khác	220.500.000.000	220.500.000.000	-	220.500.000.000	220.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	450.000.000.000	450.000.000.000	-	450.000.000.000	450.000.000.000	-

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu	450.000.000.000	450.000.000.000
Số đầu năm	450.000.000.000	450.000.000.000
Số cuối năm	450.000.000.000	450.000.000.000
Cổ tức đã công bố	121.500.000.000	-

18.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

18.5 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	121.500.000.000	-
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 1.200 VND/cổ phiếu	54.000.000.000	-
Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 1.500 VND/cổ phiếu	67.500.000.000	-
Cổ tức đã trả trong năm	121.489.556.745	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	281.454.898.805	281.011.920.999
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	106.447.891.329	100.048.056.056
Doanh thu cung cấp dịch vụ	175.007.007.476	180.963.864.943
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	281.454.898.805	281.011.920.999
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	259.061.372.716	262.206.919.181
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	22.393.526.089	18.805.001.818

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	7.274.329.131	8.370.210.076
Cổ tức, lợi nhuận được chia	132.022.500.000	31.807.150.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	39.511.862	3.700
TỔNG CỘNG	139.336.340.993	40.177.363.776

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	33.696.269.923	34.442.008.629
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	82.103.971.091	86.352.236.259
TỔNG CỘNG	115.800.241.014	120.794.244.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	36.906.323.583	32.632.739.849
Chi phí thuê kho, mặt bằng	39.106.497.263	31.369.796.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.216.641.360	9.120.525.627
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.818.486.080	2.785.528.911
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.017.829.213	5.833.271.673
Chi phí khác	1.444.466.400	725.453.429
TỔNG CỘNG	92.510.243.899	82.467.315.733
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	27.720.696.996	24.694.954.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.741.903.903	10.875.333.969
Chi phí thuê kho, mặt bằng	2.448.506.352	2.390.040.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	871.754.990	411.907.722
Chi phí khấu hao và hao mòn	834.976.604	655.588.385
Chi phí khác	2.185.172.091	1.202.801.610
TỔNG CỘNG	45.803.010.936	40.230.626.504

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.714.357.034	27.602.902
Các khoản khác	83.208.422	193.932.611
	1.797.565.456	221.535.513
Chi phí khác		
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	5.123.756
Chi phí quyền góp, từ thiện	1.540.000.000	-
Các khoản khác	569.817.911	423.385.328
	2.109.817.911	428.509.084
LỖ KHÁC THUẦN	(312.252.455)	(206.973.571)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	82.921.798.364	86.275.334.482
Chi phí nhân công	76.991.800.500	68.924.531.332
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.895.737.915	10.577.920.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.423.843.407	34.342.012.797
Chi phí thuê mặt bằng	51.120.309.072	41.375.883.007
Chi phí khác	3.760.006.591	1.996.505.039
TỔNG CỘNG	254.113.495.849	243.492.187.125

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố có bao gồm giá vốn hàng thương mại chủ yếu ở các cửa hàng bán lẻ của Công ty.

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.991.391.942	8.958.726.393
Chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	72.707.748	-
TỔNG CỘNG	7.064.099.690	8.958.726.393

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	165.442.203.755	76.143.920.585
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	33.088.440.751	15.228.784.117
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chênh lệch tỷ giá	(1.832.097)	8.397.788
Chi phí không được trừ khác	309.283.288	82.974.488
Chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	72.707.748	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(26.404.500.000)	(6.361.430.000)
Chi phí thuế TNDN	7.064.099.690	8.958.726.393

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và/hoặc các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần THT Phúc Linh	Công ty mẹ cấp cao nhất
Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco ("Tập đoàn Taseco")	Công ty mẹ
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con
Công ty Taseco Media	Công ty con
Công ty Jalux Taseco	Công ty con
Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con
Công ty Hà Linh	Công ty con
Công ty VinaCS	Công ty liên kết
PENM IV Germany GmbH & Co. KG Company	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco ("Công ty Taseco Land")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế ("Công ty Quản lý Bất động sản Quốc tế")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ ("Công ty Phú Mỹ")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Taseco Invest ("Công ty Taseco Invest")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Alacarte Hạ Long ("Công ty Alacarte Hạ Long")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng không AAL	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Ông Đào Ngọc Thiết	Kế toán trưởng

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tập đoàn Taseco	Công ty mẹ	Cổ tức đã trả	61.965.000.000	-
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ Cho vay	1.352.569.019 -	257.447.055 3.000.000.000
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Thu hồi cho vay	2.000.000.000	5.000.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.289.045.294	266.819.402
		Mua hàng hóa, dịch vụ	2.189.997.340	2.126.702.543
		Cho vay	-	7.500.000.000
		Thu hồi gốc vay	-	47.444.000.000
		Mua cổ phần	-	29.970.000.000
		Thu hồi lãi cho vay	-	3.569.265.281
		Cổ tức được chia	58.441.500.000	14.985.000.000
Công ty Taseco Media	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	4.488.274.991	9.135.091.832
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	682.576.921	1.351.311.829
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.624.786.862	5.395.967.245
		Mua cổ phần	26.000.000.000	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ	1.439.202.791	1.390.383.441
		Cổ tức được chia	27.950.000.000	6.500.000.000
		Cho vay	5.000.000.000	-
		Thu hồi tiền cho vay	-	7.333.848.500
Công ty Jalux Taseco	Công ty con	Cổ tức được chia	37.281.000.000	5.592.150.000
Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.891.106.444	4.282.274.642
		Cổ tức được chia	3.250.000.000	650.000.000
Công ty Hà Linh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.700.582.183	6.330.710.065
		Mua hàng hóa, dịch vụ	1.252.863.803	1.829.833.560
		Cổ tức được chia	5.100.000.000	4.080.000.000
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.555.056.528	1.158.216.230
Công ty Alacarte Hạ Long	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Mua hàng hóa, dịch vụ	914.220.959	1.660.134.321
Các bên liên quan khác		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.205.428.385	1.177.918.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ mua/bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và cho vay/đi vay với các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận giữa các bên.

Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2023: không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của các bên liên quan và thị trường mà các bên liên quan đó hoạt động.

Các giao dịch với bên liên quan được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền của Công ty theo quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</i>				
Tập đoàn Taseco	Công ty mẹ	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.665.600	5.014.278
Công ty Hà Linh	Công ty con	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.856.678.137	640.108.806
Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	706.363.939	632.456.630
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	373.600.000	-
Công ty Jalux Taseco	Công ty con	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	148.224.200	-
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.562.500	496.354.371
Công ty Taseco Land	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.486.750	30.837.700
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.387.300	38.688.250
Công ty Cổ phần Taseco Invest	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	11.910.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	400.000
TỔNG CỘNG			3.203.968.426	1.855.770.035

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

					Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm		
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Mã số 135)						
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Cho vay	-	2.000.000.000		
TỔNG CỘNG			-	2.000.000.000		
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)						
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu cổ tức	14.985.000.000	-		
Công ty Jalux Taseco	Công ty con	Phải thu khác	60.000.000	-		
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Phải thu lãi cho vay và phải thu khác	21.383.561	17.698.254		
Công ty Taseco Media	Công ty con	Phải thu khác	11.500.000	-		
Công ty Hà Linh	Công ty con	Phải thu khác	11.000.000	-		
Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con	Phải thu khác	11.000.000	-		
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu lãi cho vay và phải thu khác	9.000.000	82.410.958		
Các bên liên quan khác		Phải thu khác	37.000.000	22.542.333		
TỔNG CỘNG			15.145.883.561	122.651.545		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)</i>				
Công ty Taseco Media	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.473.519.230	539.257.235
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.345.082.032	1.628.742.490
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	143.748.350	100.222.655
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Mua hàng hóa và dịch vụ	17.299.091	6.235.672
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng không AAL	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.396.605	5.088.473
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.153.696.302
Công ty Alacarte Hạ Long	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	148.140.000
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	11.400.000
TỔNG CỘNG			3.983.045.308	3.592.782.827
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15)</i>				
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Phải trả khác	300.000.000	-
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Phải trả tiền thưởng Ban Điều hành	108.000.000	84.000.000
Tập đoàn Taseco	Công ty mẹ	Phải trả khác	27.000.000	-
Công ty Taseco Media	Công ty con	Phải trả khác	650.000	225.000.000
Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con	Phải trả tiền thưởng Ban Điều hành	-	65.000.000
TỔNG CỘNG			435.650.000	374.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập (bao gồm tiền lương, thưởng và thù lao) của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	1.197.925.000	1.014.102.000
Ông Lars Kjaer	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Kim Hongjin	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Đặng Huy Khôi	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Đức Long	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	782.552.000	691.365.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	963.006.000	847.974.000
Ông Nguyễn Xuân Bằng	Phó Tổng Giám đốc	910.894.000	853.619.000
Bà Trần Thị Loan	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	36.000.000
TỔNG CỘNG		4.298.377.000	3.851.060.000

26. CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Thuê mặt bằng theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại Nhà ga T1 và T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn kết thúc từ tháng 12 năm 2025 đến tháng 2 năm 2034;
- ▶ Thuê mặt bằng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất với Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn kết thúc vào tháng 4 năm 2025; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

Căn cứ theo một số hợp đồng thuê địa điểm với các Cảng Hàng không, Công ty sẽ phải chia sẻ một phần doanh thu thu được từ các địa điểm thuê theo tỷ lệ được quy định trong các hợp đồng thuê hoặc theo số tiền thuê tối thiểu nếu doanh thu chia sẻ thấp hơn khoản tiền thuê tối thiểu đó. Đối với các hợp đồng thuê khác, tiền thuê được tính dựa trên diện tích sử dụng nhân với đơn giá thuê được quy định cụ thể tại từng hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	36.653.493.350	35.818.426.710
Trên 1 đến 5 năm	50.857.677.260	24.015.256.584
Trên 5 năm	50.508.904.320	-
TỔNG CỘNG	138.020.074.930	59.833.683.294

Bảo lãnh

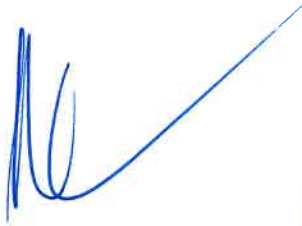
Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty Taseco Đà Nẵng, công ty con của Công ty. Theo thư bảo lãnh vay vốn, Công ty cam kết sẽ thanh toán cho bên được bảo lãnh với số tiền tối thiểu bằng toàn bộ số dư tín dụng của Công ty Taseco Đà Nẵng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

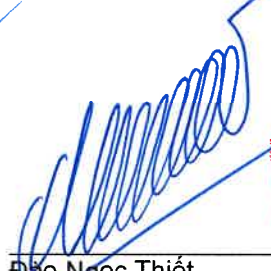
27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - USD	19.631,98	74.063,44

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


 Trần Văn Hưng
 Người lập


 Đào Ngọc Thiết
 Kế toán trưởng


 Lê Anh Quốc
 Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn